

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HS-ST

Ngày: 19-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyển

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thê - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 61/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HS ngày 12/11/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức N** (tên gọi khác: N bản); sinh năm 1991, tại Bình Phước; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt N1; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không. nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 6/12; con ông: Nguyễn Đức Tr – sinh năm: 1944, bà: Lê Thị B – sinh năm: 1954. bị cáo có 04 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm: 1977, nhỏ nhất sinh năm: 1988; bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh chị em; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P từ ngày 10/6/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ông Tạ Quý A, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ông Lê Danh U, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Quang N1, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

*** Người làm chứng:**

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 10/5/2019, Nguyễn Đức N và Nguyễn Văn D, sinh năm: 1990; HKTT: Thôn 2, xã L, huyện P đang chơi game bắn cá tại thôn 10, xã L thì D rủ N đi trộm máy bê tông bán lấy tiền chơi game thì N đồng ý. Lúc đó, D gọi điện hỏi Nguyễn Quang N1 nhờ bán máy trộn bê tông thì N1 điện thoại hỏi Phạm Văn H1 có mua máy trộn bê tông không thì H1 nói có và hỏi máy cũ hay mới, nếu cũ thì mua giá 2.000.000 đồng và đưa máy sang nhà của H1. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX (chưa rõ biển số) chở N đến nhà kho của ông Phan Văn T tại thôn 10, xã L lấy 01 máy trộn bê tông nhãn hiệu Tam xanh, màu đỏ có gắn mô tơ 03 ngựa đang để trước sân nhà rồi sử dụng sợi dây dù màu xanh (dây có sẵn ở máy) cột phía sau xe mô tô để N chở đến nhà H1. Khi đến nhà H1, do không có người ở nhà nên N để lại máy trộn bê tông ở trước cổng nhà, rồi điều khiển xe đi về. Khoảng 06 giờ ngày 11/5/2019, N nhờ bạn là Lê Văn L chở đến nhà H1 lấy 2.000.000 đồng tiền bán máy rồi về đưa cho D thì được D chia cho N 500.000 đồng. Ngày 11/5/2019, ông T đến cơ quan Công an trình báo sự việc. Do biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên ngày 10/6/2019, N đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận hết hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT- Công an huyện P thu giữ 01 máy trộn bê tông màu đỏ có mô tơ và cuộn dây điện màu vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL.HĐĐG ngày 24/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P xác định: Tại thời điểm ngày 11/5/2019, 01 máy trộn bê tông nhãn hiệu Tam Xanh màu đỏ, mô tơ 03 ngựa có giá trị là 5.625.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức N còn khai nhận ngày 07/5/2019 cùng với Nguyễn Văn D thực hành vi trộm cắp cụ thể như sau: Khoảng 22h ngày 07/5/2019, khi cả hai đang chơi game bắn cá tại nhà Lê Danh U. Trong lúc đang chơi, D rủ N đi trộm máy bơm bán lấy tiền chơi game thì N đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, D điều khiển xe Dream (không nhớ biển số) chở N vào rẫy của ông Tạ Quý Anh tại thôn 3, xã L. Tại đây, D và N cùng lấy 01 máy bơm nước từ dưới giếng lên đưa để N dùng xe mô tô Dream chở đến vườn điều nhà ông Phạm Văn Hải, thuộc thôn 3, xã L cất giấu còn D ở lại. Sau đó, N quay lại đón D thì thấy D đã lấy thêm được

01 máy bơm hỏa tiễn khác đang mang ra ngoài đường. Lúc đó, cả hai cùng đi lấy máy bơm vừa cất giấu trước đó rồi đem cả 02 máy về cất giấu tại rẫy nhà một người dân (không rõ nhân thân lai lịch) ở thôn 10, xã L rồi đi về nhà U chơi game tiếp. Sau đó, D gọi điện thoại cho U (U đang trên đường đi từ Gia Lai về nhà) để bán 02 máy bơm thì U đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng và hẹn khi nào U đi Gia Lai về rồi trả thì D yêu cầu U nạp điểm game bắn cá cho D. Lúc này, U gọi điện cho Nguyễn Quang H, sinh năm: 1989 (là người coi máy bắn cá cho U) nói nạp 2.000.000 đồng điểm game bắn cá cho D và N. D nói N điều khiển xe Dream đi chở 02 máy bơm về cất giấu tại nhà U. Sau khi mua 02 máy bơm, U sử dụng 01 máy còn 01 máy do bị hư nên bán cho một người mua bán ve chai (không rõ nhân thân lai lịch).

Quá trình điều tra, thu giữ 01 máy bơm hỏa tiễn màu bạc trắng, công suất 1,5 HP do Lê Danh U giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐG ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội: 01 máy bơm hỏa tiễn hiệu Kiên Bum, 2.0HP mã lực có giá trị 1.837.500 đồng; 01 máy bơm hỏa tiễn hiệu LEE- PRO, 1.5HP mã lực có giá trị là 2.100.000 đồng. Tổng giá trị của tài sản sau khi định giá là: 3.937.500 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 58/CTr-VKSPR ngày 02/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 50 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N mức án từ 15 đến 18 tháng tù giam.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tung.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo có mặt tại phiên tòa khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng của vụ án thu được, đồng thời phù hợp với kết luận của đại diện Viện kiểm sát và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 10/5/2019, Nguyễn Đức N đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông Phan Văn T 01 máy trộn bê tông nhãn hiệu Tam Xanh, màu đỏ có giá trị còn lại là 5.625.000 đồng tại thôn 10, xã L, huyện P. Ngoài ra ngày 07/5/2019, N còn trộm cắp của ông Tạ Quý A 02 máy bơm hỏa tiễn có giá trị còn lại là 3.937.500 đồng tại thôn 3, xã L, huyện P. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.562.500 đồng. Hành vi của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số: 58/CTr-VKSPR ngày 02/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông Phan Văn T và ông Tạ Quý An gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị can có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, xác định hành vi chiếm đoạt máy trộn bê tông ngày 10/5/2019, bị can N đã ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình; hành vi chiếm đoạt 02 máy bơm vào ngày 07/5/2019, bị can N đã tự thú, tự khai ra hành vi phạm tội của mình nên bị can được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với Nguyễn Văn D là người mà N khai cùng N thực hiện 02 vụ trộm cắp trên. Hiện chưa làm việc được với D, đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện P tách ra, tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

- Đối với Nguyễn Quang N là người giới thiệu cho ông Phạm Văn H1 mua máy trộn bê tông. N1 không biết tài sản trên do N phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Phạm Văn H1 là người mua máy trộn bê tông của N. Lê Danh U

là người mua 02 máy bơm nước của D. Qua điều tra H1, U không biết tài sản do N, D phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với Nguyễn Quang H là người trông máy game bắn cá cho U không biết việc U mua 02 máy bơm của D, N và cất giấu tại nhà U nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với Lê Văn L là người chở N đến nhà ông H1 để N lấy tiền bán máy trộn bê tông, Long không biết nên không có căn cứ xử lý.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N là người lao động phổ thông, không có nghề nghiệp ổn định nên không đặt ra việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với 01 máy trộn bê tông hiệu Tam Xanh đã thu giữ xác định là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn T. Ngày 18/6/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho T là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 máy bơm hỏa tiễn màu bạc công suất máy 1,5 HP nhãn hiệu LEE - PRO xác định là tài sản hợp pháp của ông Tạ Quý A nên ngày 16/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Anh là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 máy bơm hiệu Kiên Bum, màu bạc trắng, sau khi U mua về sử dụng đã hư hỏng và bán ve chai, Cơ quan CSĐT Công an huyện P không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với xe mô tô Dream, xe Wave RSX (không rõ biển số mà D và N sử dụng làm phương tiện phạm tội chưa thu giữ được do chưa làm việc được với D (do không có mặt tại địa phương) nên Cơ quan điều tra tách ra, tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn T đã nhận được tài sản nên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo N đồng ý bồi thường cho ông Tạ Quý A và ông Phạm Văn H1 mỗi người 2.000.000 đồng nên được ghi nhận.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 18 (mười tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 10/6/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015. Bị cáo Nguyễn Đức N bồi thường cho ông Tạ Quý A số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và ông Phạm Văn H1 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu 200.000đ (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- CA huyện P;
- Nhà tạm giữ CA huyện P;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đỗ Tấn Trường

